

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 36/2022/NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

Xét Tờ trình số 2607/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 216/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao

năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi là Chương trình) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình

1. Mức chi hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh

Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ (gọi tắt là nhiệm vụ). Dự toán kinh phí nhiệm vụ thực hiện theo quy định như sau:

a. Chi tiền công lao động trực tiếp

- Công thức tính dự toán tiền công lao động trực tiếp của từng chức danh:

$$Tc = Lcs \times Hstcn \times Snc$$

Trong đó:

Tc: Dự toán tiền công lao động trực tiếp của từng chức danh.

Lcs: Lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Hstcn: Hệ số tiền công theo ngày của từng chức danh quy định tại điểm này.

Snc: Số ngày công của từng chức danh.

- Hệ số tiền công theo ngày của từng chức danh:

TT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày của từng chức danh ($Hstcn = [(Hcd \times Hkh) / 22] \times 80\%$)
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,63
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	2,0	0,39
3	Thành viên	3,66	1,5	0,20
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,13

b. Chi hội thảo khoa học

- Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, mức chi như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Người chủ trì	Buổi hội thảo	1.200
2	Thư ký hội thảo	Buổi hội thảo	400
3	Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo	Báo cáo	1.600
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	800
5	Thành viên tham gia hội thảo	Thành viên/ buổi hội thảo	160

- Mức chi hỗ trợ đối với các nội dung chi khác phục vụ cho việc tổ chức hội thảo khoa học được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc: Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 105/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu: Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

d. Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ với số lượng thành viên hội đồng tối đa 07 người, mức chi như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	Nhiệm vụ	
a	Chủ tịch hội đồng		600
b	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		400
c	Thư ký hành chính		120
d	Đại biểu được mời tham dự		80
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
a	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200
b	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		280

đ. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 160 triệu đồng.

e. Mức chi hỗ trợ đối với các nội dung chi khác được áp dụng theo quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ *hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước* và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng

a. Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động

Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Nghị quyết số 124/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai sửa đổi một số quy định của Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b. Mức chi hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo của Tổ chức Năng suất Châu Á và các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực

Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 88/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

3. Mức chi hỗ trợ tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

a. Hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế

Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b. Mức chi hỗ trợ tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng, an toàn và sinh thái của sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chủ lực; hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh cơ chế thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp ở các cấp độ: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7, khoản 7 Điều 8 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030.

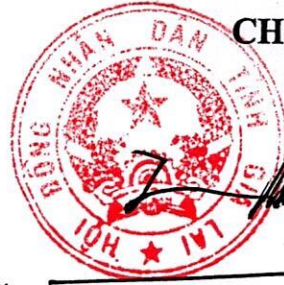
Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có chức năng giám sát việc thực hiện nghị quyết.
3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Khoa học và Công nghệ;
- Vụ pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - VP.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

